TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-02-2024
V/v: "*Xin ly hôn và nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Quốc Tiến**
2. Bà **Trần Thị Lệ**

Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2023, về việc " *Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXX ST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Bích H ,** sinh năm 1979. Có mặt

Địa chỉ: Số 29/8/5 đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, thành phố RG, tỉnh KG.

* Bị đơn: Ông **Lâm Hổ S,** sinh năm 1977.(Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số 29/8/5 đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, thành phố RG, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Bích H trình bày: Vào năm 2003 được sự đồng ý của gia đình hai bên, bà và ông Lâm Hổ S thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống H phúc nhưng sau đó giữa vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau do không cùng chung quan điểm sống, dù rằng gia đình hai bên đã dằn xếp nhưng bất thành. Từ đó dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, sống không có H phúc và hai bên đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Nay bà H xét thấy tình cảm giữa bà và ông S đã hết, không thể hàn gắn lại được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Hổ S.

Trong quá trình chung sống bà và ông S có 03 người con chung tên Lâm Thu Thảo, sinh năm 2003 và Lâm Thảo Trinh, sinh ngày 06/6/2006 và Lâm Hoàng Thuận, sinh ngày 30/10/2013. Hiện nay con chung tên Lâm Thu Thảo, sinh năm 2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung tên Lâm Thảo Trinh, sinh ngày 06/6/2006 và Lâm Hoàng Thuận, sinh ngày 30/10/2013, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Trần Bích H có yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Hổ S.

-*Về con chung:* Có 03 người con chung tên Lâm Thu Th, sinh năm 2003 và Lâm Thảo Tr, sinh ngày 06/6/2006 và Lâm Hoàng Th, sinh ngày 30/10/2013. Hiện nay con chung tên Lâm Thu Th, sinh năm 2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung tên Lâm Thảo Tr, sinh ngày 06/6/2006 và Lâm Hoàng Th, sinh ngày 30/10/2013, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lâm Hổ S đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông Lâm Hổ S đều không có mặt.*

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án: Tại Đơn xin vắng mặt tại Tòa án và ông Lâm Hổ S có ý kiến trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông đồng ý ly hôn với bà **Trần Bích H** .

-*Về con chung:* Có 03 người con chung tên Lâm Thu Th, sinh năm 2003 và Lâm Thảo Tr, sinh ngày 06/6/2006 và Lâm Hoàng Th, sinh ngày 30/10/2013. Hiện nay con chung tên Lâm Thu Th, sinh năm 2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đồng ý giao 02 con chung tên Lâm Thảo Tr, sinh ngày

06/6/2006 và Lâm Hoàng Th, sinh ngày 30/10/2013, cho bà H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Trần Bích H khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn ông Lâm Hổ S hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ: Số 29/8/5 đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ông Lâm Hổ S có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Bích H , đồng thời có đơn xin vắng mặt. Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn bà H đồng ý xử vắng mặt bị đơn ông S. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lâm Hổ S là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Bích H và ông Lâm Hổ S thành lập gia đình với nhau vào năm 2003 trên sơ sở hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn, theo bà H nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xãy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau do không cùng chung quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, sống không có H phúc và hai bên đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Tại Đơn xin vắng mặt tại Tòa án ông Lâm Hổ S có ý kiến đồng ý ly hôn với bà H . Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Trần Bích H và ông Lâm Hổ S đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Bích H , xử cho bà Trần Bích H được ly hôn với ông Lâm Hổ S là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] *Về quan hệ con chung*: Bà Trần Bích H và ông Lâm Hổ S xác nhận trong thời gian chung sống ông bà có 03 người con chung tên Lâm Thu Th, sinh năm 2003 và Lâm Thảo Tr, sinh ngày 06/6/2006 và Lâm Hoàng Th, sinh ngày

30/10/2013. Hiện nay con chung tên Lâm Thu Th, sinh năm 2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung tên Lâm Thảo Trinh, sinh ngày 06/6/2006 và Lâm Hoàng Th, sinh ngày 30/10/2013, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, Trong thời gian bà H và ông S sống ly thân với nhau cho đến nay 02 con chung tên Lâm Thảo Tr, sinh ngày 06/6/2006 và Lâm Hoàng Th, sinh ngày 30/10/2013, do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc khác, ông S có ý kiến về việc nuôi con chung đồng ý giao 02 con chung tên Lâm Thảo Tr, sinh ngày 06/6/2006 và Lâm Hoàng Th, sinh ngày 30/10/2013 cho bà H nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung và 02 cháu Trinh và Th có nguyện vọng sống với bà H . Vì vậy, để đảm bảo về mặt tâm lý và cuộc sống ổn định hiện tại của 02 cháu Tr và Th, Hội đồng xét xử thấy nên xử giao cháu: Lâm Thảo Tr, sinh ngày 06/6/2006 và Lâm Hoàng Th sinh ngày 30/10/2013 cho bà H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H và ông S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nếu sau này các bên có tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung có thể khởi kiện thành vụ án khác nếu có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà Trần Bích H và ông Lâm Hổ S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Bích H và ông Lâm Hổ S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Trần Bích H là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 , Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Trần Bích H với ông Lâm Hổ S**.**

2. *Về con chung:* Xử giao con chung tên Lâm Thảo Trinh, sinh ngày 06/6/2006 và Lâm Hoàng Thuận, sinh ngày 30/10/2013 cho bà Trần Bích H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Trinh và cháu Thuận). Bà H không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lâm Hổ S có quyền, nghĩa vụ thăm nôm con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Trần Bích H với ông Lâm Hổ S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà Trần Bích H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0007217 ngày 15 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên không phải nộp thêm.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

Báo quyền kháng cáo: Bà Trần Bích H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm Hổ S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Toán

* **Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND Tp. Rạch Giá;*
- *Chi Cục THADS Tp. Rạch Giá;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*